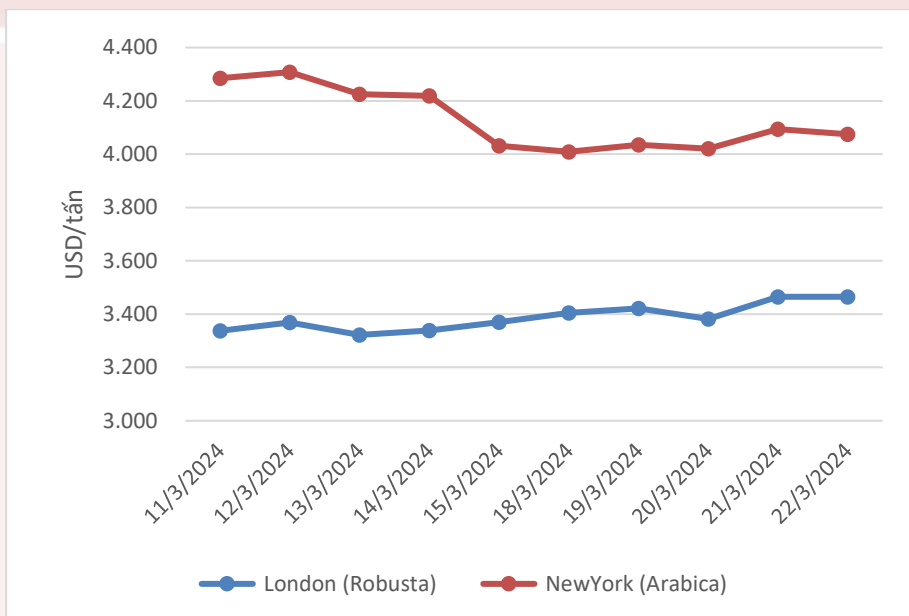




ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2024 tại thị trường London đạt mức bình quân 3.480 USD/tấn, tăng 1,25% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2024 tại thị trường New York đạt mức bình quân 4.154 USD/tấn, tăng 2,64% so với tuần trước.
- ❖ Theo liên đoàn cà phê Châu Âu (ECF) tồn kho cà phê tại các cảng Bỉ, Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha đã giảm 2,47% trong tháng 2/2024.
- ❖ Ngành cà phê đã đóng góp 342,2 tỷ USD cho nền kinh tế Hoa Kỳ trong năm 2022 và đang được ước tính tăng trong năm 2023.
- ❖ Theo Ủy ban Cà phê Ấn Độ, tổng sản lượng cà phê trong năm tài chính 2022/2023 của Ấn Độ đạt 352.000 tấn.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 13 (từ 25-29/03/2024), giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 05/2024 tại thị trường London đạt 3.480 USD/tấn, tăng 1,25% so với tuần trước và tăng 65,2% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.559 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.417 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2024 bình quân đạt 4.154 USD/tấn, tăng 2,64% so với mức giá tuần trước, và tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.203 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.093 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Tiêu thụ cà phê thế giới

Tiêu thụ cà phê toàn cầu đang có xu hướng giảm tại các thị trường chính như Châu Âu, Canada, Nhật Bản, Vương Quốc Anh và Hoa Kỳ (tiêu thụ bình quân khoảng 92,5 triệu bao/năm) do ảnh hưởng của lạm phát toàn cầu vẫn chưa được kiểm soát. Nền kinh tế Hoa Kỳ (thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới) đang có dấu hiệu hồi phục nhưng tiêu thụ cà phê vẫn được dự báo tăng trưởng chậm trong thời gian tới.[2]

Hoa Kỳ

Tháng 3/2024, Hiệp hội cà phê quốc gia Hoa Kỳ (NCA) tổ chức hội thảo cà phê quốc tế nhằm mục tiêu tìm giải pháp để ngành công nghiệp cà phê phát triển trong tương lai thông qua các giải pháp về đào tạo và liên kết. Theo báo cáo năm 2022, ngành cà phê đã đóng góp 342,2 tỷ USD cho nền kinh tế Hoa Kỳ và được ước tính còn tăng thêm trong năm 2023. [2]

Ấn Độ

Theo The Hindu, giá cà phê Robusta tại Ấn Độ ghi nhận mức kỷ lục trong tuần thứ 3 của tháng 3/2024. Cụ thể, giá cà phê Robusta thô đạt 172 rupee/kg (2,06 USD/kg), tăng 49,6% so với cùng kỳ năm trước; giá cà phê Robusta nhân xanh đạt 315 rupee/kg (3,78 USD/kg), tăng 50%. Giá cà phê Robusta tại Ấn Độ tăng cao do sản lượng thu hoạch thấp, giảm khoảng 30% so với niên vụ trước. Theo Ủy ban Cà phê Ấn Độ, tổng sản lượng cà phê trong nước trong năm tài chính 2022/2023 là 352.000 tấn, trong đó có 252.000 tấn cà phê Robusta. [3]

Châu Âu

Theo liên đoàn cà phê Châu Âu (ECF), tồn kho cà phê tại các cảng Bỉ, Đức, Pháp, Ý và Tây Ban Nha đã giảm 2,47% trong tháng 2/2024. Tổng khối lượng tồn kho cà phê đạt gần 6,7 triệu bao. Trong đó, khối lượng cà phê Robusta dự trữ đạt khoảng 1,9 triệu bao và khối lượng cà phê Arabica dự trữ đạt 2,7 triệu bao.[4]

Brazil

Theo Hợp tác xã cà phê Cooxupé, Brazil, năm 2023, khối lượng cà phê xuất khẩu của Hợp tác xã này đạt 4,5 triệu bao, giảm 33,82% so với năm 2022. Nguyên nhân xuất khẩu cà phê giảm chủ yếu do giá cà phê tại Brazil trong Quý IV năm 2023 thấp khiến người sản xuất tích trữ lại hàng hóa, đồng thời, tình trạng tắc nghẽn tại các cảng Brazil và chi phí vận chuyển tăng cũng ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu.[5]

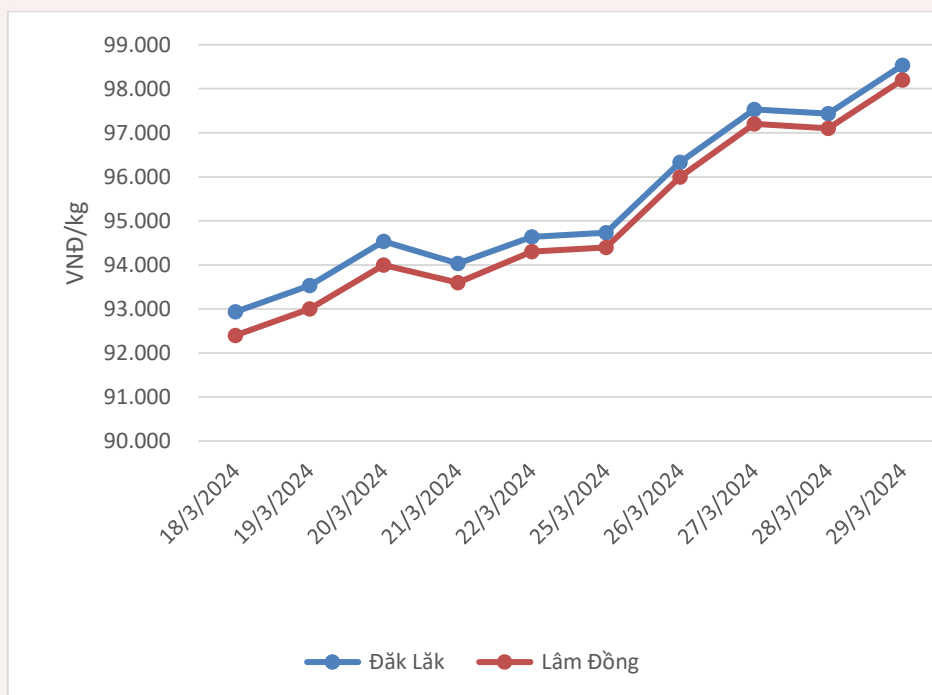
Hợp tác xã cà phê Cooxupé dự báo sản lượng cà phê xuất khẩu năm 2024 của hợp tác xã đạt 5,5 triệu bao, tăng 22,2% so với năm 2023. [5]

Một số vùng trồng Robusta sớm tại Espirito Santos sẽ bắt đầu vụ thu hoạch cà phê vào đầu Quý II/2024. Theo dự báo từ Cơ quan Cung ứng Mùa vụ thuộc chính phủ Brazil (CONAB), sản lượng Robusta vụ 2024/2025 đạt gần 15 triệu bao, tăng hơn 7% so với vụ trước. Trong đó, Espirito Santos tiếp tục là vùng sản xuất chính, chiếm tới 65% tổng lượng Robusta của quốc gia này.[6]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 96.913 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 96.580 VNĐ/kg.
- ❖ Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quý I/2024, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 799 nghìn tấn, trị giá 1,9 tỷ USD, tăng 44% về lượng và tăng 54% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.
- ❖ Sơn La triển khai dự án “Phát triển sinh kế bền vững cho phụ nữ dân tộc thiểu số trồng cà phê” với mục tiêu tăng khả năng quyết định của phụ nữ, hướng tới tăng thêm lợi ích cho bản thân, gia đình và cộng đồng.
- ❖ Khối lượng cà phê xuất khẩu của tỉnh Đắk Lắk năm 2023 đạt 304.064 tấn, kim ngạch đạt 760,396 triệu USD.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 96.913 VNĐ/kg, tăng 3,17% so với tuần trước (tăng 2.980 VNĐ/kg), và tăng 100,93% so với cùng kỳ năm 2023. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 96.580 VNĐ/kg, tăng 3,34% so với tuần trước (tăng 3.120 VNĐ/kg), và tăng 101,63% so với cùng kỳ năm trước. [7]

Theo chủ tịch Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam, giá cà phê tăng cao do (1) thiếu hụt nguồn cung trong nước; (2) lượng tồn kho từ vụ trước chuyển sang thấp hơn nhiều so với mọi năm (3) xung đột chính trị khiến đứt gãy chuỗi cung ứng đẩy cước phí vận tải tăng cao.[8]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quý I/2024, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 799 nghìn tấn, trị giá 1,9 tỷ USD, tăng 44% về lượng và tăng 54% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê xuất khẩu bình quân trong Quý I/2024 đạt 2.373 USD/tấn. Về chủng loại, Việt Nam tăng xuất khẩu Robusta và Arabica, nhưng giảm xuất khẩu Excelsa và chế biến. Về thị trường, một số thị trường xuất khẩu chính của cà phê Việt Nam trong Quý I/2024 Ý, Tây Ban Nha, Nga, Indonesia, Bỉ, Trung Quốc, Philippines,...[9]

Sơn La

Cuối tháng 3/2024, tổ chức CARE Việt Nam phối hợp Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Sơn La đã phối hợp khởi động triển khai dự án “ Phát triển sinh kế bền vững cho phụ nữ dân tộc thiểu số trồng cà phê tại Sơn La” (Dự án SURE). Dự án được tài trợ thông qua chương trình Origin Grants của Quỹ Starbucks.[10]

Dự án được triển khai trong 36 tháng tại 4 xã thuộc huyện Thuận Châu và Mai Sơn với mục tiêu tăng khả năng quyết định của phụ nữ, hướng tới tăng thêm lợi ích cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Dự án SURE đặt mục tiêu tiếp cận và nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ cho 1.500 nữ nông dân thuộc các cộng đồng dân tộc ít người tại hai huyện Thuận Châu và Mai Sơn ở tỉnh Sơn La. Dự án sẽ tập trung vào 3 khía cạnh: Đa dạng nguồn thu nhập, cải thiện quy mô canh tác và tiếp cận thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. [10]

Cà phê được xác định là một trong những nông sản mũi nhọn của Sơn La. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, diện tích trồng cà phê của Sơn La đạt 20 nghìn ha, trồng tập trung tại huyện Mai Sơn (hơn 8.500ha) và Thuận Châu (gần 6.000ha), còn lại rải rác ở TP Sơn La, Yên Châu và Sốp Cộp. Sản lượng cà phê nhân của Sơn La ước khoảng 35.000 tấn. [10]

Đắk Lắk

Thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về phát triển cà phê bền vững của tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, từ năm 2017 đến nay, tỉnh đã đạt được nhiều mục tiêu của Nghị quyết đề ra. Cụ thể, năm 2023, sản lượng cà phê đạt 513.243 tấn, năng suất bình quân đạt 26,72 tạ/ha, tăng 14% so với mục tiêu Nghị quyết. Diện tích thực hiện tái canh đến năm 2020 là 35.408 ha, đạt 109,5%; từ năm 2021 – 2023 đạt 10.755 ha, tăng khoảng hơn 2.000 ha/năm so với mục tiêu của Nghị quyết.[11]

Tổng diện tích cà phê có chứng nhận đạt trên 30.317 ha, tổng sản lượng đạt hơn 100.065 tấn, tổng số hộ tham gia là 23.291 hộ; có khoảng 90%

sản lượng cà phê được thu hái, phơi sấy và bảo quản theo đúng quy trình kỹ thuật, đạt 100% mục tiêu của Nghị quyết. [11]

Trong giai đoạn 2018 – 2023, sản lượng cà phê chế biến sâu đạt 249.900 tấn, bình quân hàng năm đạt khoảng 41.650 tấn, đạt tỷ lệ cà phê chế biến sâu 8,11 % so với sản lượng cà phê của bình quân các niên vụ, cơ bản đạt mục tiêu của Nghị quyết (từ 8 – 10% sản lượng của niên vụ).

Về kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh Đắk Lắk tương đối ổn định, tổng khối lượng cà phê xuất khẩu của tỉnh năm 2023 là 304.064 tấn, kim ngạch đạt 760,396 triệu USD cơ bản đạt mục tiêu của Nghị quyết đề ra (từ 700 – 800 triệu USD/năm). [11]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://www.investing.com/>
2. iandmsmith.com
3. vietnambiz.vn
4. iandmsmith.com
5. iandmsmith.com
6. congthuong.vn
7. [Công tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên](#)
8. nongnghiep.vn
9. vneconomy.vn
10. nongnghiep.vn
11. baodaklak.vn

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	94.400	96.000	97.200	97.100	98.200	96.580	3.120
Di Linh	94.400	96.000	97.200	97.100	98.200	96.580	3.120
Lâm Hà	94.400	96.000	97.200	97.100	98.200	96.580	3.120
Bảo Lộc	94.400	96.000	97.200	97.100	98.200	96.580	3.120
ĐẮK LẮK	94.733	96.333	97.533	97.433	98.533	96.913	2.980
Cư M'gar	94.800	96.400	97.600	97.500	98.600	96.980	2.980
Ea H'leo	94.700	96.300	97.500	97.400	98.500	96.880	2.980
Buôn Hồ	94.700	96.300	97.500	97.400	98.500	96.880	2.980
ĐẮK NÔNG	94.950	96.450	97.600	97.500	98.600	97.020	2.930
Gia Nghĩa	95.000	96.500	97.600	97.500	98.600	97.040	2.900
Đắk R'lấp	94.900	96.400	97.600	97.500	98.600	97.000	2.960
GIA LAI	94.733	96.233	97.433	97.333	98.433	96.833	2.900
Chư Prông	94.800	96.300	97.500	97.400	98.500	96.900	2.900
Pleiku	94.700	96.200	97.400	97.300	98.400	96.800	2.900
La Grai	94.700	96.200	97.400	97.300	98.400	96.800	2.900
KON TUM	94.800	96.300	97.400	97.300	98.400	96.840	2.940
Đắk Hà	94.800	96.300	97.400	97.300	98.400	96.840	2.940

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn